

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 13-6-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hiền

Bà Trần Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Minh Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1964;

Chị Phạm Thị L, sinh năm 1968;

Đều trú tại: Tiểu khu T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Ngô Xuân P, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Lô x, Khu đô thị K, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (Theo giấy ủy quyền ngày 25/5/2018)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1968;

Chị Phạm Thị S, sinh năm 1969;

Đều trú tại: Thôn C, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Anh Phúc có mặt, anh H, bà L, anh D, chị S đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2019, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 13/7/2015, vợ chồng anh H, chị L có cho vợ chồng anh D, chị S vay số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng. Thời hạn trả cả gốc lẫn lãi là ngày 13/7/2016. Hai bên có viết 01 Bản cam với cam kết vay tiền mặt đề ngày 13-7-2015 thể hiện nội dung trên. Anh H, chị L có cung cấp cho Tòa án bản gốc Bản cam kết vay tiền mặt trên.

Đến hạn trả nợ anh H, chị L đòi nhiều lần nhưng anh D, chị S không trả, có ý định trốn tránh. Anh H, chị L làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư yêu cầu anh D, chị S thanh toán các khoản gồm: tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi từ 13/7/2015 tạm tính đến 13/5/2018, tổng 34 tháng $\times 1,5\%/tháng = 51.000.000$ đồng. Tổng số tiền mà anh D, chị S phải thanh toán là 151.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi đến khi xét xử.

Trong bản cam kết vay tiền mặt chị S, anh D có ghi giao lại tài sản khi không trả được nợ thì anh H, chị L xác định đây là việc thỏa thuận vay có tài sản bảo đảm, anh D, chị S có thể chấp tài sản gắn liền với đất cho anh H, chị L nhưng hợp đồng này giữa hai bên không có công chứng, chứng thực và không đăng ký biện pháp bảo đảm do vậy việc thỏa thuận tài sản bảo đảm trên không có hiệu lực. Anh H và anh D là anh em ruột, anh D, chị S xây nhà trên đất của mẹ, anh D, chị S cũng không có giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản. Thực tế giữa hai bên chưa giao nhận tài sản, chưa giao nhận giấy tờ sở hữu về tài sản, chưa thực hiện bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào về biện pháp bảo đảm khoản vay này. Do vậy anh H, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về biện pháp bảo đảm trên.

Tại phiên tòa anh Ngô Xuân P trình bày: Yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc 100.000.000 đồng; số tiền lãi suất tính từ ngày 13/7/2015 đến ngày 12/7/2016 là 01 năm (trong hạn) $\times 13,5\%/1 \text{ năm} \times 100.000.000 \text{ đồng} = 13.500.000$ đồng; từ ngày 13/7/2016 đến ngày 31/12/2016 là 5 tháng 18 ngày $\times 0,75\%/tháng (9\%/1 \text{ năm}) \times 100.000.000 \text{ đồng} = 4.200.000$ đồng; lãi suất tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 13/6/2019 là 29 tháng 12 ngày $\times 1,5\%/tháng (18\%/1 \text{ năm}) \times 100.000.000 \text{ đồng} = 44.100.000$ đồng, tổng cộng lãi suất từ ngày 13/7/2015 đến ngày 13/6/2019 là 61.800.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 161.800.000 đồng và đề nghị Tòa án tính lãi đến khi anh D, chị S thanh toán xong cho anh H, chị L.

*/Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành

đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 161, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H và chị L. Buộc anh D và chị S phải có trách nhiệm thanh toán cho anh H và chị L số tiền nợ theo bản cam kết vay tiền mặt ngày 13/7/2015 nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi 61.800.000 đồng, tổng cộng là 161.800.000 đồng. Về chi phí giám định: Anh D và chị S phải trả cho anh H và chị L 1.820.000 đồng tiền chi phí giám định. Anh D và chị S phải chịu 8.090.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay gốc và lãi nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản; Trong hợp đồng vay tiền có ghi bị đơn trú tại thôn C, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình và bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Đình D và chị Phạm Thị S vắng mặt tại địa phương, vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa...; Anh D đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không đến Tòa án, không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 13/7/2016 là ngày đến hạn trả nợ vì vậy theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 thì anh H, chị L làm đơn là còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

- Anh D đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có ý kiến phản đối gì gửi cho Tòa án.

- Tại Bản kết luận giám định số 04/KLGD-PC09 ngày 24/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình thể hiện: ...

“II. Đối tượng giám định:

1. Mẫu cần giám định:

01 (một) Bản cam kết vay tiền mặt đề ngày 13-7-2015 (ký hiệu A).

2. Mẫu so sánh:

- 01 (một) Giấy xin khất nợ tiền vay đề ngày 06/6/2015 có xác nhận của UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, đóng dấu bút lục số 28 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, (kí hiệu là M1);

- 01 (một) Biên bản tổng đạt đề ngày 28/7/2017 đóng dấu bút lục số 77 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, (kí hiệu là M2);

- 01 (một) Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ đề ngày 28/7/2017 đóng dấu bút lục số 78 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, (kí hiệu là M3);

- 01 (một) Bản tự khai của Nguyễn Đình D ngày 05/7/2017 đóng dấu bút lục số 68,69 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình (gồm 02 tờ) (kí hiệu là M4);

- 01 (một) Biên bản tổng đạt đề ngày 07/7/2017 đóng dấu bút lục số 43 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, (kí hiệu là M5);

- 01 (một) Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ đề ngày 07/7/2017 đóng dấu bút lục số 65 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, (kí hiệu là M6); ...

V. Kết luận về đối tượng cần giám định:

1. Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn đ. D dưới mục người vay tiền trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đình D trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 (dưới mục “Người vay tiền và xin khất nợ ký tên”) , M4, M5, M6 do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị S dưới mục người vay tiền trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Phạm Thị S trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1 (dưới mục “Người vay tiền và xin khất nợ ký tên”) , M2, M3, M5, M6 do cùng một người ký, viết ra.”

Do vậy cần công nhận hợp đồng vay tiền trong Bản cam kết vay tiền mặt đề ngày 13-7-2015 và cần chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện buộc anh D, chị S có trách nhiệm trả cho anh H, chị L số tiền gốc vay ngày 13/7/2015 là 100.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất: Hợp đồng vay tài sản do hai bên đương sự ký kết ngày 13/7/2015, hợp đồng đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Quyết

định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi suất tính từ ngày 13/7/2015 đến ngày 12/7/2016 là 01 năm (trong hạn) x 13,5%/1 năm x 100.000.000 đồng = 13.500.000 đồng; từ ngày 13/7/2016 đến ngày 31/12/2016 là 5 tháng 18 ngày x 0,75%/tháng (9%/1 năm) x 100.000.000 đồng = 4.200.000 đồng; lãi suất tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 13/6/2019 là 29 tháng 12 ngày x 1,5%/tháng (18%/1 năm) x 100.000.000 đồng = 44.100.000 đồng, tổng cộng lãi suất từ ngày 13/7/2015 đến ngày 13/6/2019 là 61.800.000 đồng.

[6] Về nội dung trong bản cam kết vay tiền mặt chị S, anh D có ghi giao lại tài sản khi không trả được nợ thì nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về chi phí giám định: Xét thấy số tiền chi phí giám định là 1.820.000 đồng, cần áp dụng Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự buộc anh D, chị S phải chịu.

[8] Về án phí: Anh D, chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 161.800.000đ x 5% = 8.090.000 đ. Anh H, chị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 161, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình H và chị Phạm Thị L. Buộc anh Nguyễn Đình D và chị Phạm Thị S phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Đình H và chị Phạm Thị L số tiền nợ theo bản cam kết vay tiền mặt ngày 13/7/2015 nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi 61.800.000 đồng, tổng cộng là 161.800.000 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu tám trăm nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán, theo mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: Anh Nguyễn Đình D và chị Phạm Thị S phải trả cho anh Nguyễn Đình H và chị Phạm Thị L 1.820.000đ (Một triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đình D và chị Phạm Thị S phải nộp 8.090.000 đ (*Tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

Trả lại anh Nguyễn Đình H và chị Phạm Thị L 3.775.000 đồng anh H, chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003004 ngày 05/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Anh Nguyễn Đình H, chị Phạm Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 13/6/2019, anh Nguyễn Đình D và chị Phạm Thị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương